TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BIÊN HÒA** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 205/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 25-6-2024
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Nguyệt.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Trần Văn Chánh;
2. Bà Thiều Thị Phi Loan.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Ngô Thị Thùy Linh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thúy Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2024 tại Toà án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý: 25/2024/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2024 về việc: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"; theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 173/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 17/5/2024 và Quyêt định hoãn phiên tòa số 230/2024/QĐST-HNGĐ giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn***: Ông **Lê L**, sinh năm 1980; thường trú: 60, tổ A, ấp E, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai; địa chỉ tạm trú: H, khu phố D, phường Q, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt tại phiên tòa).

- ***Bị đơn***: Bà **Nguyễn Thị Thanh B**, sinh năm 1979; cư trú tại: H, khu phố D, phường Q, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện đề ngày 13/12/2023, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Lê L trình bày:**

Ông Lê L và bà Nguyễn Thị Thanh B kết hôn vào năm 2010, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân phường Q, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Quá trình sinh sống vợ chồng hạnh phúc thời gian đầu sau đó phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau và không có tiếng nói, quan điểm chung trong cuộc sống. Mặc dù

vợ chồng đã nhiều lần cố gắng hàn gắn nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được. Do đó, nay ông L làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông L được ly hôn với bà Nguyễn Thị Thanh B.

- Về con chung: Có 02 con chung là cháu Lê Thị Ngọc O, sinh ngày 03/7/2011 và cháu Lê Anh T, sinh ngày 05/3/2018. Ly hôn, ông L có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng các con chung. Tạm thời ông L không yêu cầu bà B phải cấp dưỡng nuôi con.

- Tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nợ chung: Không có, nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

*** Bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh B:** Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù bà B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên không có lời khai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án đã thực hiện đúng theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: Từ các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ có đủ căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông L đối với bà B; giao các con chung cho ông L trực tiếp nuôi dưỡng và đề nghị xem xét về phần cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Tố tụng:

- Về tư cách tố tụng và quan hệ tranh chấp:

Ông Lê L khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thị Thanh B. Căn cứ vào Điều 68 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 xác định Ông L là nguyên đơn, bà B là bị đơn. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự, quan hệ pháp luật được xác định là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

- Về thẩm quyền giải quyết: Theo văn bản xác minh ngày 24/4/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa thì bà Nguyễn Thị Thanh B đang sinh sống tại phường Q, tại thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 xác định yêu cầu khởi kiện của ông L thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai nên được xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Về thủ tục tố tụng khá: Ông Lê L có đơn xin xét xử vắng mặt, bà B đã được triệu tập đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê L và bà Nguyễn Thị Thanh B có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, hôn nhân tự nguyện nên được coi là hôn nhân hợp pháp. Nay ông L xin ly hôn, Tòa án căn cứ Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 và năm 2014 để giải quyết.

Xét thấy: Ông L khai, ông và bà Nguyễn Thị Thanh B kết hôn vào năm 2010, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân phường Q, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Quá trình sinh sống vợ chồng hạnh phúc thời gian đầu sau đó phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau và không có tiếng nói, quan điểm chung trong cuộc sống. Mặc dù vợ chồng đã nhiều lần cố gắng hàn gắn nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được. Tại văn bản xác minh ngày 24 tháng 04 năm 2024, Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố B xác định vợ chồng ông L và bà B có xảy ra mâu thuẫn hay không thì địa phương không nắm rõ vì các đương sự không trình báo hay yêu cầu địa phương hòa giải. Từ khi ông L gửi đơn xin ly hôn cũng như trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần gửi giấy triệu tập và các văn bản tố tụng của Tòa án cho bà B nhưng bà B vẫn vắng mặt không có lý do và không có ý kiến gửi cho Tòa án nên được coi là bỏ mặc, không còn quan tâm đến việc giữ gìn và bảo vệ mối quan hệ vợ chồng. Như vậy, hôn nhân giữa ông L và bà B đã rạn nứt không thể hàn gắn được. Bà B bỏ mặc nên việc đoàn tụ, tiếp tục xây dựng hạnh phúc là khó thực hiện được. Do đó, ông L xin ly hôn là có căn cứ chấp nhận.

Về con chung: Ông L xác định có 02 con chung là cháu Lê Thị Ngọc O, sinh ngày 03/7/2011 và cháu Lê Anh T, sinh ngày 05/3/2018. Ly hôn, ông L có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng các con chung. Tạm thời ông L không yêu cầu bà B phải cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng bà B vẫn không lên Tòa để trình bày ý kiến của mình về việc nuôi con, cấp dưỡng nuôi con, cũng như cung cấp các tài liệu chứng cứ về điều kiện để nuôi con. Bà B cũng không có ý kiến phản bác về các yêu cầu nêu trên của ông L. Ngoài ra, tại bản tự khai của cháu O có nguyện vọng ở với bố. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L, giao các con chung là cháu O và cháu T cho ông L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông L không yêu cầu bà B cấp dưỡng nuôi con nên tạm thời bà B không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông L xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; bà B không lên Tòa cung cấp lời khai về tài sản chung. Do đó, không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Ông L xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; bà B

không lên Tòa cung cấp lời khai về nợ chung. Do đó, không đặt ra xem xét, giải quyết.

Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về hướng giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

Về án phí: Nguyên đơn ông Lê L phải chịu toàn bộ án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, 35, 39, Khoản 4 Điều 147, 227, 228, 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 9, Điều 11 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;

- Áp dụng Điều 9, 56, 58, 81, 82, 83, Điều 84 và Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê L đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh B.

Ông Lê L được ly hôn với bà Nguyễn Thị Thanh B.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Lê Thị Ngọc O, sinh ngày 03/7/2011 và cháu Lê Anh T, sinh ngày 05/3/2018 cho ông Lê L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các con. Tạm thời bà B không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà Nguyễn Thị Thanh B không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp cần thiết, một trong các bên có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung: Ông Lê L xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, bà B không lên Tòa làm việc nên không cung cấp lời khai cho Tòa. Do đó, Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Ông L xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, bà B không lên Tòa làm việc nên không cung cấp lời khai cho Tòa. Do đó, Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Ông Lê p chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Khấu trừ số tiền tạm ứng án phí ông L đã nộp 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0001814 ngày 20/12/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Ông L đã nộp đủ.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Chi cục thi hành án DS TP. Biên Hòa;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- UBND phường Quang Vinh, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng;
- Lưu Văn phòng, hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Thị Nguyệt